CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Về chống thư rác

Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2008, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính Viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh Quảng cáo ngày 16 tháng 11 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,[1]

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

---

[1] Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác."

Nghị định này quy định về chống thư rác; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan tới dịch vụ trao đổi thư điện tử và tin nhắn tại Việt Nam.

Trường hợp Điều ước quốc tế liên quan đến hoạt động chống thư rác mà Việt Nam là thành viên có quy định khác với Nghị định này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

Trong phạm vi Nghị định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thư rác (spam) là thư điện tử, tin nhắn được gửi đến người nhận mà người nhận đó không mong muốn hoặc không có trách nhiệm phải tiếp nhận theo quy định của pháp luật. Thư rác trong Nghị định này bao gồm thư điện tử rác và tin nhắn rác.

2. Thông điệp dữ liệu là thông tin được tạo ra, được gửi đi, được nhận và được lưu trữ bằng phương tiện điện tử.

3. Cơ sở hạ tầng thông tin là hệ thống trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số, bao gồm mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính và cơ sở dữ liệu.

4. Thư điện tử là thông điệp dữ liệu được gửi đến một hoặc nhiều địa chỉ thư điện tử thông qua cơ sở hạ tầng thông tin.

5. Địa chỉ điện tử là địa chỉ mà người sử dụng có thể nhận hoặc gửi thông điệp dữ liệu thông qua cơ sở hạ tầng thông tin.

6. Địa chỉ thư điện tử là địa chỉ được sử dụng để gửi hoặc nhận thư điện tử, bao gồm tên truy nhập của người sử dụng kết hợp với tên miền Internet.

7. Tin nhắn là thông điệp dữ liệu được gửi đến điện thoại, máy nhắn tin hoặc thiết bị có chức năng nhận tin nhắn.

8. Tiêu đề thư điện tử là phần thông tin được gắn kèm với phần nội dung thư điện tử bao gồm thông tin về nguồn gốc, đích đến, tuyến đường đi, chủ đề và những thông tin khác về thư điện tử đó.

9. Chủ đề thư điện tử là một phần của tiêu đề nhằm trích yếu nội dung thư điện tử.

10. Tiêu đề tin nhắn là phần thông tin được gắn kèm với phần nội dung tin nhắn bao gồm nhưng không giới hạn nguồn gốc, thời gian gửi tin nhắn.

11. Thư điện tử quảng cáo, tin nhắn quảng cáo là thư điện tử, tin nhắn nhằm giới thiệu đến người tiêu dùng về các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh,

hoạt động xã hội, hàng hóa, dịch vụ bao gồm cả dịch vụ có mục đích sinh lời và dịch vụ không có mục đích sinh lời.

12. Người quảng cáo là tổ chức, cá nhân có nhu cầu quảng cáo về hoạt động kinh doanh, hàng hóa, dịch vụ của mình.

13. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo là tổ chức cung cấp dịch vụ gửi thư điện tử, tin nhắn quảng cáo đến người nhận.

14.[2] Mã số quản lý là mã số được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp cho nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn, nhà cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn, nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet khi chấp thuận hồ sơ đăng ký của đối tượng này.

15. Mã sản phẩm là mã số do nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo gán cho từng sản phẩm. Mã sản phẩm có thể bao gồm thông tin về nhóm sản phẩm nhằm mục đích phân loại các sản phẩm quảng cáo.

16. Người sở hữu địa chỉ điện tử là người tạo ra hoặc được cấp địa chỉ điện tử đó.

17.[3] Tên định danh người gửi dùng trong hoạt động quảng cáo bằng tin nhắn hoặc hoạt động cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn (sau đây gọi tắt là tên định danh) là tập hợp các ký tự được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp cho người quảng cáo hoặc nhà cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn và được sử dụng để hiển thị hoặc xác định thông tin về nguồn gửi trong các tin nhắn cung cấp dịch vụ.

18.[4] Dịch vụ nội dung qua tin nhắn là dịch vụ sử dụng tin nhắn để cung cấp thông tin hoặc các ứng dụng, tiện ích cho người sử dụng.

19.[5] Mã lệnh dịch vụ nội dung qua tin nhắn (sau đây gọi tắt là mã lệnh) là chuỗi ký tự không phân biệt chữ hoa và chữ thường do nhà cung cấp dịch vụ nội

---

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[3] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[5] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

dung qua tin nhắn đưa ra để tham chiếu đến một dịch vụ nội dung qua tin nhắn cụ thể.

Điều 4. Nội dung và trách nhiệm quản lý nhà nước về chống thư rác

1. Nội dung quản lý nhà nước về chống thư rác:

a) Xây dựng, ban hành, tuyên truyền, phổ biến, tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật liên quan tới việc chống thư rác;

b) Tuyên truyền về ý thức và trách nhiệm phòng, chống thư rác cho người sử dụng và các đối tượng khác;

c) Tổng hợp và phổ biến danh sách các nguồn phát tán thư rác;

d)[6] Chủ trì, phối hợp và điều phối tổ chức, cá nhân ngăn chặn, xử lý thư rác;

đ) Tiếp nhận thông báo, khiếu nại về thư rác;

e)[7] Tiếp nhận hồ sơ đăng ký và cấp mã số quản lý cho nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn, nhà cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn, nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua Internet; tiếp nhận hồ sơ đăng ký và cấp tên định danh cho nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn, nhà cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn;

g) Hợp tác quốc tế về chống thư rác;

h) Nghiên cứu và triển khai các giải pháp chống thư rác;

i) Quản lý thống kê về thư rác;

k) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm.

l)[8] Ban hành quy định về dải số dành cho việc gửi tin nhắn quảng cáo và cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn, quy định về cấp tên định danh;

---

[6] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[7] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[8] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

m)[9] Ban hành quy định liên quan cước tin nhắn quảng cáo.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan thực hiện quản lý nhà nước về chống thư rác.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ khác có trách nhiệm phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong các hoạt động chống thư rác.

Điều 5. Phân loại thư rác

1. Thư điện tử, tin nhắn với mục đích lừa đảo, quấy rối hoặc phát tán virus máy tính, phần mềm gây hại hoặc vi phạm khoản 2 Điều 12 Luật Công nghệ thông tin.

2. Thư điện tử quảng cáo, tin nhắn quảng cáo vi phạm các nguyên tắc gửi thư điện tử quảng cáo, tin nhắn quảng cáo tại các Điều 7, Điều 9 và Điều 13 Nghị định này.

Điều 6. Các hành vi nghiêm cấm

1. Gửi thư rác.

2. Làm sai lệch thông tin tiêu đề của thư điện tử, tin nhắn nhằm mục đích gửi thư rác.

3. Tạo điều kiện, cho phép sử dụng phương tiện điện tử thuộc quyền của mình để gửi, chuyển tiếp thư rác.

4. Trao đổi, mua bán hoặc phát tán các phần mềm thu thập địa chỉ điện tử hoặc quyền sử dụng các phần mềm thu thập địa chỉ điện tử.

5. Sử dụng các phần mềm để thu thập địa chỉ điện tử khi không được phép của người sở hữu địa chỉ điện tử đó.

6.[10] Trao đổi, mua bán danh sách địa chỉ điện tử mà không có sự đồng ý của người sở hữu địa chỉ điện tử.

7. Các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

---

[9] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[10] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

8.[11] Cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn không đúng với yêu cầu của người sử dụng.

9.[12] Che giấu tên, địa chỉ điện tử của mình hoặc giả mạo tên, địa chỉ điện tử của tổ chức, cá nhân khác khi gửi thư điện tử, tin nhắn.

10.[13] Thu cước sử dụng dịch vụ mà không thông báo với người sử dụng dịch vụ.

Chương II
GỬI THƯ ĐIỆN TỬ QUẢNG CÁO, TIN NHẮN QUẢNG CÁO

Mục 1
CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 7. Nguyên tắc gửi thư điện tử, tin nhắn quảng cáo đối với tổ chức, cá nhân[14]

1. Chỉ được phép gửi thư điện tử quảng cáo, tin nhắn quảng cáo đến người nhận khi có sự đồng ý một cách rõ ràng trước đó của người nhận.

2. Phải chấm dứt việc gửi đến người nhận các thư điện tử quảng cáo hay tin nhắn quảng cáo ngay sau khi nhận được yêu cầu từ chối của người nhận.

3. Chỉ được phép gửi thư điện tử quảng cáo, tin nhắn quảng cáo từ đia chỉ điện tử và hệ thống theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

---

[11] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[12] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[13] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[14] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

4. Khi gửi thư điện tử quảng cáo, tin nhắn quảng cáo thì nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo phải gửi đồng thời một bản sao nội dung tới hệ thống kỹ thuật của Bộ Thông tin và Truyền thông.

5. Không được phép gửi quá 01 thư điện tử quảng cáo có nội dung tương tự nhau tới một địa chỉ thư điện tử trong vòng 24 giờ trừ trường hợp đã có thỏa thuận khác với người nhận.

6. Không được phép gửi quá 01 tin nhắn quảng cáo có nội dung tương tự nhau tới một số điện thoại trong vòng 24 giờ và chỉ được phép gửi trong khoảng thời gian từ 7 giờ đến 22 giờ mỗi ngày trừ trường hợp đã có thỏa thuận khác với người nhận.

7. Nội dung quảng cáo phải phù hợp với quy định của pháp luật về quảng cáo.

Điều 8. Nguyên tắc thu thập, sử dụng địa chỉ điện tử cho mục đích quảng cáo

1. Chỉ được thu thập địa chỉ điện tử cho mục đích quảng cáo khi được sự đồng ý của người sở hữu địa chỉ điện tử đó.

2. Phải nêu rõ mục đích, phạm vi sử dụng khi tiến hành thu thập địa chỉ điện tử.

3. Phải sử dụng địa chỉ thư điện tử theo đúng mục đích, phạm vi đã được người sở hữu địa chỉ đó cho phép.

Mục 2
THƯ ĐIỆN TỬ QUẢNG CÁO

Điều 9. Yêu cầu đối với thư điện tử quảng cáo

1. Chủ đề phải phù hợp với nội dung và nội dung quảng cáo phải tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật về quảng cáo.

2. Thư điện tử quảng cáo phải được gắn nhãn theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

3. Có thông tin về người quảng cáo theo quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều 11 Nghị định này.

4. Trường hợp sử dụng dịch vụ quảng cáo phải có thêm thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo theo quy định tại các khoản 2 và khoản 3 Điều 11 Nghị định này.

5. Có chức năng từ chối theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

Điều 10. Quy định về việc gắn nhãn thư điện tử quảng cáo

1. Mọi thư điện tử quảng cáo đều phải gắn nhãn.

2. Nhãn được đặt ở vị trí đầu tiên trong phần chủ đề.

3. Nhãn có dạng như sau:

a) [QC] hoặc [ADV] đối với thư điện tử được gửi từ người quảng cáo;

b) [QC Mã số quản lý] hoặc [ADV Mã số quản lý] đối với thư điện tử được gửi từ nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo. Mã số quản lý được định nghĩa theo khoản 14 Điều 3 Nghị định này.

Điều 11. Quy định về thông tin của nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo và người quảng cáo bằng thư điện tử

1. Thông tin về người quảng cáo bao gồm tên, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ địa lý và địa chỉ trang tin điện tử (nếu có).

2. Thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bao gồm tên, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ địa lý, địa chỉ trang tin điện tử, mã số quản lý mã sản phẩm (nếu có).

3. Thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo và người quảng cáo bằng thư điện tử phải được thể hiện một cách rõ ràng và đặt liền trước phần lựa chọn cho phép người nhận từ chối nhận thư điện tử quảng cáo.

Điều 12. Quy định về chức năng từ chối nhận thư điện tử quảng cáo

1. Phần thông tin cho phép người nhận từ chối nhận thư điện tử quảng cáo phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đặt ở cuối thư điện tử quảng cáo và được thể hiện rõ ràng, dễ hiểu bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

b) Phải có phần khẳng định người nhận có quyền từ chối tất cả sản phẩm từ người quảng cáo. Trong trường hợp sử dụng dịch vụ quảng cáo, phải có phần khẳng định người nhận có quyền từ chối tất cả sản phẩm quảng cáo từ nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo;

c) Trong trường hợp cần thiết, nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử có thể cung cấp khả năng từ chối bổ sung như từ chối một sản phẩm hoặc từ chối một nhóm sản phẩm;

d) Có hướng dẫn rõ ràng về các cấp độ từ chối theo các điểm b và điểm c khoản 1 và các hình thức từ chối theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Hình thức từ chối nhận thư điện tử quảng cáo phải bao gồm:

a) Từ chối qua trang thông tin điện tử;

b) Từ chối bằng thư điện tử;

c) Từ chối qua điện thoại.

3.[15] Ngay khi nhận được yêu cầu từ chối, người quảng cáo hoặc nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo phải gửi ngay thông tin xác nhận đã nhận được yêu cầu từ chối và phải chấm dứt việc gửi loại thư điện tử quảng cáo đã bị từ chối đến người nhận đó.

4. Thông tin xác nhận đảm bảo các yêu cầu:

a) Có phần khẳng định đã nhận được yêu cầu từ chối, thời gian nhận yêu cầu từ chối và thời hạn ngừng gửi thư điện tử quảng cáo;

b) Chỉ được gửi thành công một lần và không chứa thông tin quảng cáo.

5.[16] Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo hoặc người quảng cáo không được phép thu cước phát sinh để thực hiện yêu cầu từ chối nhận quảng cáo của người nhận.

Mục 3
TIN NHẮN QUẢNG CÁO

Điều 13. Yêu cầu đối với tin nhắn quảng cáo

1. Tin nhắn quảng cáo phải được gắn nhãn theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

2. Trường hợp sử dụng dịch vụ quảng cáo phải có thêm thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

3. Có chức năng từ chối theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

Điều 14. Quy định về việc gắn nhãn tin nhắn quảng cáo

1. Mọi tin nhắn quảng cáo đều phải gắn nhãn.

2. Nhãn được đặt ở vị trí đầu tiên trong phần nội dung tin nhắn.

3. Nhãn có dạng như sau:

a) [QC] hoặc [ADV] đối với tin nhắn được gửi từ người quảng cáo;

---

[15] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[16] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

b)[17] [Mã số quản lý] đối với tin nhắn được gửi từ nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo;

c)[18] Trong trường hợp cần thiết, có thể sử dụng các ký tự đặc biệt khác thay thế ký tự "[" ,"]" trong nhãn.

Điều 15. Quy định về thông tin của nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn

1. Thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn là mã số quản lý, mã sản phẩm (nếu có).

2. Thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn được đặt trong phần gán nhãn theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định này.

Điều 16. Quy định về chức năng từ chối nhận tin nhắn quảng cáo

1. Phần thông tin cho phép người nhận từ chối nhận tin nhắn quảng cáo phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đặt ở cuối tin nhắn quảng cáo và được thể hiện rõ ràng bằng tiếng Việt;

b)[19] Phải có phần hướng dẫn người nhận từ chối tin nhắn quảng cáo mà người dùng đã đăng ký nhận trước đó;

c) Trong trường hợp cần thiết, nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn có thể cung cấp khả năng từ chối bổ sung như từ chối một sản phẩm hoặc từ chối một nhóm sản phẩm;

d) Có hướng dẫn rõ ràng về các cấp độ từ chối theo các điểm b và điểm c khoản 1 và các hình thức từ chối theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Hình thức từ chối nhận tin nhắn quảng cáo phải bao gồm:

a) Từ chối bằng tin nhắn;

b) Từ chối qua điện thoại.

---

[17] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[18] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[19] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

3.[20] Ngay khi nhận được yêu cầu từ chối, người quảng cáo hoặc nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo phải gửi ngay thông tin xác nhận đã nhận được yêu cầu từ chối và phải chấm dứt việc gửi loại tin nhắn quảng cáo đã bị từ chối đến người nhận đó.

4. Thông tin xác nhận đảm bảo các yêu cầu:

a) Thông báo đã nhận được yêu cầu từ chối, thời gian nhận yêu cầu từ chối và thời hạn ngừng gửi tin nhắn quảng cáo;

b) Chỉ được gửi thành công một lần và không chứa thông tin quảng cáo.

5.[21] Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo hoặc người quảng cáo không được phép thu cước phát sinh để thực hiện yêu cầu từ chối nhận quảng cáo của người nhận.

Chương III
TRAO ĐỔI THƯ ĐIỆN TỬ, TIN NHẮN

Mục 1
TRAO ĐỔI THƯ ĐIỆN TỬ

Điều 17. Tổ chức, cá nhân gửi thư điện tử và tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử

1. Mọi tổ chức, cá nhân có quyền gửi thư điện tử phục vụ nhu cầu của mình phù hợp với các quy định tại Nghị định này và các quy định khác liên quan.

2.[22] Người quảng cáo khi tự gửi thư điện tử quảng cáo phải:

a) Tuân thủ quy định tại Điều 9 Nghị định này;

b) Gửi từ máy chủ dịch vụ thư điện tử có tên miền quốc gia Việt Nam (.vn);

c) Lưu lại thông tin về yêu cầu từ chối, thông tin xác nhận yêu cầu từ chối và thông tin đăng ký nhận thư điện tử quảng cáo;

d) Lưu lại thư điện tử quảng cáo trong thời gian tối thiểu là 60 ngày;

---

[20] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[21] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[22] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

đ) Thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Khi sử dụng dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, người quảng cáo chỉ được phép sử dụng dịch vụ của nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp mã số quản lý.

Điều 18. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử

1. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có trang thông tin điện tử cùng máy chủ dịch vụ gửi thư điện tử quảng cáo đặt tại Việt Nam và sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam ".vn";

b) Có hệ thống tiếp nhận, xử lý yêu cầu từ chối của người nhận tuân theo quy định tại Điều 12 Nghị định này;

c) Đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp mã số quản lý.

2. Quy trình, thủ tục để được cấp mã số quản lý:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Hồ sơ đăng ký phải thể hiện đầy đủ các thông tin về tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, thông tin kỹ thuật phù hợp với yêu cầu về điều kiện quy định tại các khoản 1 Điều 18 của Nghị định này. Đơn đăng ký theo mẫu (Phụ lục I) ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Tổ chức, cá nhân đăng ký phải nộp lệ phí đăng ký;

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và truyền thông có trách nhiệm cấp đăng ký; trường hợp từ chối, Bộ Thông tin và Truyền thông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Khi thay đổi hệ thống gửi thư điện tử quảng cáo phải thông báo trước với Bộ Thông tin và Truyền thông.

4.[23] Lưu lại thông tin về yêu cầu từ chối, thông tin xác nhận yêu cầu từ chối và thông tin đăng ký nhận thư điện tử quảng cáo;

4a.[24] Lưu lại thư điện tử quảng cáo trong thời gian tối thiểu là 60 ngày.

---

[23] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[24] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

5. Báo cáo, thống kê định kỳ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Nhà cung cấp dịch vụ thư điện tử

1. Có biện pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức và hướng dẫn người sử dụng dịch vụ về cách thức phòng, chống thư điện tử rác.

2. Cung cấp công cụ để người sử dụng dịch vụ có thể lựa chọn nhận các loại thư điện tử quảng cáo ngay từ máy chủ nhận thư.

3. Có biện pháp để tránh mất mát và ngăn chặn sai thư điện tử của người sử dụng dịch vụ.

4. Cung cấp miễn phí công cụ tiếp nhận và xử lý các thông báo về thư điện tử rác từ người sử dụng.

4a.[25] Cung cấp miễn phí công cụ ngăn chặn thư điện tử rác trên máy chủ thư điện tử cho người sử dụng.

5. Cung cấp thông tin liên quan đến tình trạng hệ thống máy chủ thư điện tử theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế thư điện tử rác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Không được cung cấp dịch vụ thư điện tử cho các nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử mà chưa được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp mã số quản lý.

8. Lưu lại phần tiêu đề thư điện tử trong thời gian tối thiểu là 60 ngày.

9. Báo cáo, thống kê định kỳ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

10. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Nhà cung cấp dịch vụ truy nhập Internet

1. Có biện pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức và hướng dẫn người sử dụng dịch vụ về cách thức phòng, chống thư điện tử rác.

---

[25] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

2. Cung cấp miễn phí cơ chế tiếp nhận và xử lý các thông báo về thư điện tử rác từ người sử dụng.

3.[26] Cung cấp thông tin và ngăn chặn các nguồn phát tán thư điện tử rác, phần mềm độc hại theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ Internet trong nước và quốc tế để hạn chế thư điện tử rác.

5. Thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế thư điện tử rác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Người sử dụng thư điện tử

1. Tuân thủ các quy định về gửi thư điện tử tại Nghị định này.

2. Cung cấp thông tin về thư điện tử rác cho nhà cung cấp dịch vụ thư điện tử, nhà cung cấp dịch vụ Internet, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc chống thư điện tử rác.

Mục 2[27]
TRAO ĐỔI TIN NHẮN

Điều 22. Tổ chức, cá nhân gửi tin nhắn và tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn

1. Mọi tổ chức, cá nhân có quyền gửi tin nhắn phục vụ nhu cầu của mình phù hợp với các quy định tại Nghị định này và các quy định khác liên quan.

2.[28] Người quảng cáo khi tự gửi tin nhắn quảng cáo phải:

---

[26] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[27] Mục này bao gồm các điều 22a, 23a được bổ sung theo quy định tại khoản 13, khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[28] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

a) Tuân thủ quy định tại Điều 13 Nghị định này;

b) Gửi tin nhắn quảng cáo từ địa chỉ điện tử do doanh nghiệp viễn thông được cấp phép thiết lập mạng viễn thông di động cấp;

c) Lưu lại thông tin về yêu cầu từ chối, thông tin xác nhận yêu cầu từ chối và thông tin đăng ký nhận tin nhắn quảng cáo;

d) Lưu lại tin nhắn quảng cáo trong thời gian tối thiểu là 60 ngày;

đ) Thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Khi sử dụng dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn, người quảng cáo chỉ được phép sử dụng dịch vụ của nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp mã số quản lý.

Điều 22a. Tên định danh[29]

1. Mọi tổ chức đều có quyền đăng ký và sử dụng tên định danh cho mục đích quảng cáo bằng tin nhắn và cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn.

2. Việc đăng ký và sử dụng tên định danh được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Bình đẳng, không phân biệt đối xử;

b) Đăng ký trước được quyền sử dụng trước;

c) Thể hiện tính nghiêm túc để tránh gây sự hiểu nhầm hoặc xuyên tạc do tính đa âm, đa nghĩa hoặc khi không dùng dấu trong tiếng Việt;

d) Không trùng với tên của tổ chức Đảng, cơ quan nhà nước.

3. Tổ chức đăng ký sử dụng tên định danh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mục đích sử dụng, tính chính xác của các thông tin đăng ký và bảo đảm việc đăng ký, sử dụng tên định danh không xâm phạm các quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác có trước ngày đăng ký.

4. Quy trình, thủ tục để được cấp tên định danh:

a) Tổ chức nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Hồ sơ đăng ký phải thể hiện đầy đủ các thông tin về tổ chức sử dụng tên định danh bao gồm: Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, bản khai đăng ký tên định danh;

c) Tổ chức đăng ký phải nộp phí và lệ phí sử dụng tên định danh theo quy định của Bộ Tài chính;

---

[29] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

d) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận tên định danh; trường hợp từ chối, Bộ Thông tin và Truyền thông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Việc thu hồi tên định danh được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Sử dụng tên định danh để gửi tin nhắn rác hoặc cung cấp các dịch vụ vi phạm các quy định của pháp luật;

b) Không nộp phí sử dụng tên định danh;

c) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 23. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn

1. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a)[30] Gửi tin nhắn quảng cáo từ hệ thống kỹ thuật đặt tại Việt Nam và hệ thống kỹ thuật phải đáp ứng các yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Có hệ thống tiếp nhận, xử lý yêu cầu từ chối của người nhận theo quy định tại Điều 16 Nghị định này;

c) Đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp mã số quản lý.

2. Quy trình, thủ tục để được cấp mã số quản lý:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Hồ sơ đăng ký phải thể hiện đầy đủ các thông tin về tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn, thông tin kỹ thuật phù hợp với yêu cầu về điều kiện quy định tại các khoản 1 Điều 23 của Nghị định này. Đơn đăng ký theo mẫu (Phụ lục II) ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Tổ chức, cá nhân đăng ký phải nộp lệ phí đăng ký;

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm cấp đăng ký; trường hợp từ chối, Bộ Thông tin và Truyền thông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Khi thay đổi hệ thống gửi tin nhắn quảng cáo phải thông báo trước với Bộ Thông tin và Truyền thông.

---

[30] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

3a.[31] Được tạo điều kiện để cung cấp dịch vụ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ nội dung dịch vụ cung cấp trên hệ thống.

3b.[32] Cung cấp yêu cầu từ chối của người nhận cho người quảng cáo trong trường hợp danh sách địa chỉ điện tử dùng để gửi quảng cáo trước đó là do người quảng cáo cung cấp.

4.[33] Lưu lại thông tin đăng ký nhận quảng cáo, thông tin yêu cầu từ chối và thông tin xác nhận yêu cầu từ chối.

4a.[34] Lưu lại tin nhắn quảng cáo trong thời gian tối thiểu là 60 ngày.

5. Báo cáo, thống kê định kỳ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 23a. Nhà cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn[35]

1. Nhà cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có trang thông tin điện tử sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam ".vn"; trang thông tin điện tử phải có chức năng cho phép người sử dụng tra cứu các thông tin về dịch vụ, tối thiểu bao gồm các thông tin giới thiệu dịch vụ, giá cước dịch vụ, cách sử dụng dịch vụ, cách từ chối sử dụng dịch vụ;

---

[31] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[32] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[33] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[34] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[35] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

b) Có hệ thống cho phép người sử dụng đăng ký sử dụng dịch vụ và hệ thống tiếp nhận yêu cầu từ chối sử dụng dịch vụ của người dùng;

c) Đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp mã số quản lý.

2. Quy trình, thủ tục để được cấp mã số quản lý:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Hồ sơ đăng ký phải thể hiện đầy đủ các thông tin về tổ chức cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn bao gồm: Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, bản khai đăng ký mã số quản lý, danh sách các dịch vụ cung cấp;

c) Tổ chức, cá nhân đăng ký phải nộp lệ phí đăng ký theo quy định của Bộ Tài chính;

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận mã số quản lý; trường hợp từ chối, Bộ Thông tin và Truyền thông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Sử dụng mã số quản lý theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Được tạo điều kiện để cung cấp dịch vụ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ nội dung dịch vụ cung cấp.

5. Ngừng cung cấp dịch vụ tới khách hàng khi khách hàng đó yêu cầu.

6. Thực hiện quảng cáo theo quy định sau:

a) Tuân thủ các quy định về gửi thư điện tử quảng cáo, tin nhắn quảng cáo;

b) Khi quảng cáo dịch vụ trên các phương tiện truyền thông hiển thị (truyền hình, giấy tờ, ấn phẩm, Internet,....) phải cung cấp thông tin về giá cước dịch vụ và loại thiết bị phù hợp để sử dụng dịch vụ bằng tiếng Việt Nam một cách dễ đọc, dễ hiểu. Thông tin về giá cước dịch vụ được hiển thị cùng kiểu với mã lệnh và có kích thước tối thiểu bằng 2/3 kích thước của mã lệnh;

c) Khi quảng cáo dịch vụ trên phương tiện truyền thanh phải thông báo về giá cước dịch vụ ngay sau thông tin hướng dẫn sử dụng dịch vụ.

7. Cung cấp đầy đủ và rõ ràng thông tin về các dịch vụ trên trang thông tin điện tử trước khi cung cấp dịch vụ gồm có: Tên dịch vụ, mã lệnh tương ứng, mô tả dịch vụ, cách thức sử dụng, giá cước dịch vụ tương ứng, hướng dẫn hủy dịch vụ, số điện thoại hỗ trợ khách hàng, cam kết đồng ý sử dụng dịch vụ.

8. Khi cung cấp các phần mềm hoặc trang thông tin điện tử có thu cước, phải đảm bảo các phần mềm và trang thông tin điện tử đó cho phép người sử dụng xác nhận đồng ý hoặc không đồng ý sử dụng dịch vụ với mức cước tương ứng.

9. Không được phép thu cước dịch vụ đối với các tin nhắn lỗi, tin nhắn không được cung cấp dịch vụ, tin nhắn đã được cung cấp dịch vụ nhưng có nội dung khác với mã lệnh mà doanh nghiệp công bố, tin nhắn do người dùng bị lừa đảo.

10. Phải thực hiện lưu trữ dữ liệu:

a) Mọi yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ của người sử dụng; mọi yêu cầu đăng ký sử dụng dịch vụ;

b) Tin nhắn do người sử dụng gửi đến và tin nhắn do doanh nghiệp gửi đi trong thời gian tối thiểu là 01 năm;

c) Khiếu nại của người sử dụng trong thời gian tối thiểu là 01 năm.

11. Thực hiện các biện pháp ngăn chặn tin nhắn rác, tin nhắn cung cấp dịch vụ nội dung vi phạm pháp luật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

12. Thực hiện báo cáo, thống kê theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 24. Nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn

1. Có biện pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức và hướng dẫn người sử dụng dịch vụ về cách thức phòng, chống tin nhăn rác.

2.[36] Cung cấp các công cụ tiếp nhận phản ánh tin nhắn rác từ người sử dụng, công cụ đăng ký nhận, từ chối tin nhắn quảng cáo theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2a.[37] Hướng dẫn thuê bao gửi thông báo tin nhắn rác và phản hồi các thông báo về tin nhắn rác tiếp nhận được.

2b.[38] Triển khai hệ thống ngăn chặn tin nhắn rác tối thiểu có khả năng ngăn chặn tin nhắn rác theo nguồn gửi và từ khóa trong nội dung tin nhắn gửi.

2c.[39] Thực hiện các biện pháp đánh giá tình trạng tin nhắn rác trên mạng di động của mình theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

---

[36] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[37] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[38] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[39] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

2d.[40] Cung cấp địa chỉ điện tử cho hoạt động gửi tin nhắn quảng cáo, hoạt động cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Cung cấp thông tin liên quan đến tình trạng hệ thống nhắn tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Thực hiện các biện pháp nhằm ngăn chặn tin nhắn rác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Không được cung cấp dịch vụ tin nhắn cho các nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo mà chưa được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp mã số quản lý.

5a.[41] Cung cấp dịch vụ cho phép gửi nhận tin nhắn, dịch vụ cho phép gửi nhận tin nhắn sử dụng tên định danh cho nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn, nhà cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp mã số quản lý. Thỏa thuận về việc cung cấp dịch vụ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

5b.[42] Chậm nhất trong vòng 01 tháng, phải cho phép doanh nghiệp đã được cấp mã số quản lý kết nối kỹ thuật với hệ thống của mình để cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn và dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn.

5c.[43] Không phân biệt đối xử giữa các nhà cung cấp dịch vụ gửi tin nhắn quảng cáo, nhà cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn là đơn vị thành viên của mình với các nhà cung cấp dịch vụ gửi tin nhắn quảng cáo, nhà cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn khác.

---

[40] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[41] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[42] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[43] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

5d.[44] Công bố và cập nhật trên website của mình các thông tin về tất cả nhà cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn, tối thiểu bao gồm: Tên nhà cung cấp, ngày bắt đầu hoạt động, địa chỉ, số điện thoại liên hệ, các dịch vụ đang cung cấp và mức cước tương ứng, số điện thoại chăm sóc khách hàng.

5đ.[45] Hoàn lại cước dịch vụ theo yêu cầu của nhà cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn; thông báo cho người sử dụng về việc hoàn cước.

5e.[46] Ngăn chặn, xử lý và hoàn lại cước dịch vụ đối với những dịch vụ nội dung qua tin nhắn chưa được cấp mã số quản lý.

6.[47] Giới hạn tần suất nhắn tin từ mỗi nguồn gửi, ngăn chặn các tin nhắn có nguy cơ gây mất an toàn, an ninh thông tin theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

6a.[48] Ngăn chặn, thu hồi số thuê bao được dùng để phát tán tin nhắn rác.

7.[49] Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông được cấp phép thiết lập mạng viễn thông di động[50] trong và ngoài nước ngăn chặn tin nhắn rác.

---

[44] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[45] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[46] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[47] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[48] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[49] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[50] Cụm từ "nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn" được thay thế bởi cụm từ "doanh nghiệp viễn thông được cấp phép thiết lập mạng viễn thông di động" theo quy định tại khoản 26 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

7a.[51] Tuân thủ các yêu cầu điều phối ngăn chặn, xử lý tin nhắn rác của Bộ Thông tin và Truyền thông; thực hiện yêu cầu xử lý các thông báo, phản ánh tin nhắn rác của Bộ Thông tin và Truyền thông.

7b.[52] Cung cấp thông tin phục vụ hoạt động phòng chống, ngăn chặn tin nhắn rác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7c.[53] Ngăn chặn tin nhắn rác giả mạo nguồn gửi trước khi gửi tới người sử dụng dịch vụ.

8. Báo cáo, thống kê định kỳ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet

1. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ nhắn tin qua mạng Internet phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có trang thông tin điện tử sử dụng tên miền .vn và máy chủ dịch vụ gửi tin nhắn đặt tại Việt Nam;

b)[54] Có biện pháp xác thực nguồn gửi tin nhắn qua mạng Internet.

c) Đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp mã số quản lý.

2. Quy trình, thủ tục để được cấp mã số quản lý:

a) Tổ chức, cá nhân đăng ký nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ Thông tin và Truyền thông;

---

[51] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[52] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[53] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[54] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

b) Hồ sơ đăng ký phải thể hiện đầy đủ các thông tin về tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet, thông tin kỹ thuật phù hợp với yêu cầu về điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này. Đơn đăng ký theo mẫu (Phụ lục III) ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Tổ chức, cá nhân đăng ký phải nộp lệ phí đăng ký;

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm cấp đăng ký. Trường hợp từ chối, Bộ Thông tin và Truyền thông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Cung cấp miễn phí cơ chế tiếp nhận và xử lý các thông báo về tin nhắn rác từ người sử dụng.

4. Có biện pháp giới hạn số lượng, tốc độ và tần suất nhắn tin từ một người sử dụng dịch vụ.

5. Thực hiện các biện pháp nhằm ngăn chặn tin nhắn rác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Báo cáo, thống kê định kỳ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Người sử dụng tin nhắn

1. Tuân thủ các quy định về gửi tin nhắn tại Nghị định này.

2. Cung cấp thông tin về tin nhắn rác cho doanh nghiệp viễn thông được cấp phép thiết lập mạng viễn thông di động[55], nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua Internet, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc chống thư rác.

Chương IV
KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 27. Giải quyết tranh chấp

Tranh chấp giữa các bên trong việc cung cấp và sử dụng dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, tin nhắn cho công cộng được giải quyết trên cơ sở hợp đồng giữa các bên và các quy định của pháp luật liên quan.

---

[55] Cụm từ "nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn" được thay thế bởi cụm từ "doanh nghiệp viễn thông được cấp phép thiết lập mạng viễn thông di động" theo quy định tại khoản 26 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

Điều 28. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm về thư rác hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại đối với quyết định xử phạt của người có thẩm quyền. Trong thời gian chờ kết quả giải quyết khiếu nại của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân bị xử phạt vẫn phải thi hành quyết định xử phạt.

2. Công dân có quyền tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những vi phạm về thư rác theo các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Công dân có quyền tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về hành vi trái pháp luật của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thư rác.

4. Thẩm quyền, thủ tục, trình tự, thời hạn khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo; khởi kiện hành chính thực hiện theo các quy định của pháp luật.

Điều 29. Bồi thường thiệt hại

1. Tổ chức, cá nhân gửi thư rác gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác thì phải bồi thường.

2. Mức bồi thường thiệt hại do bên gửi thư rác và bên bị thiệt hại tự thương lượng, thỏa thuận trên cơ sở nguyên tắc do pháp luật quy định. Trường hợp các bên không tự thương lượng, thỏa thuận được thì mức bồi thường được thực hiện theo Quyết định của Tòa án.

Điều 30. Thanh tra, kiểm tra

1. Các tổ chức, cá nhân cung cấp và sử dụng dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, tin nhắn chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Việc thanh tra các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, tin nhắn được tiến hành theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 31. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thư rác của thanh tra chuyên ngành thông tin và truyền thông

1. Thanh tra viên chuyên ngành thông tin và truyền thông đang thi hành công vụ có thẩm quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 43 Nghị định này;

đ) Thực hiện các quyền quy định tại mục 2 khoản 19 Điều 1 Pháp lệnh số 44/2008/UBTVQH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

2. Chánh Thanh tra chuyên ngành thông tin và truyền thông cấp Sở có thẩm quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 43 Nghị định này;

đ) Thực hiện các quyền quy định tại mục 1 khoản 19 Điều 1 Pháp lệnh số 44/2008/UBTVQH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

3. Chánh Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông có thẩm quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 khoản 6 Điều 43 Nghị định này;

đ) Thực hiện các quyền quy định tại mục 1 khoản 19 Điều 1 Pháp lệnh số 44/2008/UBTVQH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

Điều 32. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra chuyên ngành khác

Trong phạm vi thẩm quyền quản lý nhà nước được Chính phủ quy định, Thanh tra viên và chánh thanh tra các cơ quan thanh tra chuyên ngành khác có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính về thư rác theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Thẩm quyền xử phạt của Ủy ban nhân dân các cấp

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi địa bàn do mình quản lý có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính về thư rác được quy định tại Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 30 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002; khoản 4, khoản 5 Điều 1 Pháp lệnh số 44/2008/UBTVQH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

Điều 34. Vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng thư điện tử, tin nhắn

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi:

a) Không nêu rõ mục đích, phạm vi sử dụng khi tiến hành thu thập địa chỉ điện tử;

b) Người sử dụng dịch vụ thư điện tử, tin nhắn, tin nhắn qua mạng Internet không phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc chống thư rác.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi thu thập địa chỉ điện tử cho mục đích quảng cáo không được sự đồng ý của người sở hữu địa chỉ đó.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi:

a) Sử dụng địa chỉ thư điện tử đã thu thập không đúng mục đích, phạm vi đã được người sở hữu địa chỉ đó cho phép;

b) Làm sai lệch thông tin tiêu đề của thư điện tử, tin nhắn.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tạo điều kiện, cho phép người khác sử dụng phương tiện điện tử thuộc quyền của mình để gửi, chuyển tiếp thư rác.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi:

a) Trao đổi, mua bán hoặc phát tán các phần mềm thu thập địa chỉ điện tử hoặc quyền sử dụng các phần mềm thu thập địa chỉ điện tử;

b) Sử dụng các phần mềm thu thập địa chỉ điện tử để thu thập địa chỉ điện tử khi không được phép của người sở hữu địa chỉ đó;

c)[56] Trao đổi, mua bán danh sách địa chỉ điện tử mà không có sự đồng ý của người sở hữu địa chỉ điện tử.

Điều 35. Vi phạm các quy định về gắn nhãn, đặt nhãn

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi:

1. Gắn nhãn thư điện tử quảng cáo không đúng hoặc không đầy đủ theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 10 Nghị định này;

2. Gắn nhãn tin nhắn quảng cáo không đúng hoặc không đầy đủ theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Nghị định này.

---

[56] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 18 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

Điều 36. Vi phạm các quy định về chức năng từ chối[57]

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi:

a) Gửi thư điện tử quảng cáo không có phần thông tin cho phép người nhận từ chối nhận thư điện tử quảng cáo hoặc có phần thông tin cho phép người nhận từ chối nhận thư điện tử quảng cáo nhưng không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định này;

b) Gửi tin nhắn quảng cáo không có phần thông tin cho phép người nhận từ chối nhận tin nhắn quảng cáo hoặc có phần thông tin cho phép người nhận từ chối nhận tin nhắn quảng cáo nhưng không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với các hành vi:

a) Cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn không có đầy đủ các hình thức tiếp nhận, xử lý yêu cầu từ chối theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định này;

b) Cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử không có đầy đủ các hình thức tiếp nhận, xử lý yêu cầu từ chối theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định này.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi:

a) Cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn mà không có hệ thống tiếp nhận, xử lý yêu cầu từ chối của người nhận;

b) Cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử mà không có hệ thống tiếp nhận, xử lý yêu cầu từ chối của người nhận;

c) Cung cấp dịch vụ nhắn tin qua mạng Internet mà không có hệ thống tiếp nhận, xử lý yêu cầu từ chối của người nhận.

d)[58] Không có biện pháp xác thực nguồn gửi tin nhắn qua mạng Internet;

---

[57] Cụm từ "Điều 36. Vi phạm các quy định về chức năng từ chối nhận thông tin quảng cáo" được thay thế bởi cụm từ "Điều 36. Vi phạm các quy định về chức năng từ chối" theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/ NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[58] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

đ)[59] Cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn không có hệ thống cho phép đăng ký sử dụng dịch vụ và tiếp nhận yêu cầu từ chối sử dụng dịch vụ.

Điều 37. Vi phạm các quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, tin nhắn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không có biện pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức và hướng dẫn người sử dụng dịch vụ về cách thức phòng chống thư rác.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi:

a)[60] Không lưu lại thư điện tử hoặc tin nhắn quảng cáo trong thời gian tối thiểu 60 ngày;

b) Không lưu lại thông tin về yêu cầu từ chối và thông tin xác nhận yêu cầu từ chối trong thời gian tối thiểu 60 ngày;

c)[61] Không lưu lại thông tin đăng ký nhận quảng cáo, thông tin yêu cầu từ chối và thông tin xác nhận yêu cầu từ chối.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi:

a) Không cung cấp công cụ để người sử dụng dịch vụ có thể lựa chọn nhận các loại thư điện tử quảng cáo ngay từ máy chủ nhận thư;

b) Không cung cấp miễn phí cơ chế tiếp nhận và xử lý thông báo về thư rác;

c) Không có biện pháp để tránh mất mát và ngăn chặn sai thư điện tử của người sử dụng dịch vụ;

d) Không phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ Internet, doanh nghiệp viễn thông được cấp phép thiết lập mạng viễn thông di động[62] trong và ngoài nước để hạn chế thư rác,

---

[59] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[60] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 20 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[61] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 20 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[62] Cụm từ "nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn" được thay thế bởi cụm từ "doanh nghiệp viễn thông được cấp phép thiết lập mạng viễn thông di động" theo quy định tại khoản 26 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

đ) [63] Không gửi ngay thông tin xác nhận đã nhận được yêu cầu từ chối từ người có thư điện tử hoặc người nhận tin nhắn quảng cáo;

e) Gửi thông tin xác nhận đã nhận được yêu cầu từ chối thư điện tử quảng cáo không đảm bảo các yêu cầu quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định này;

g) Gửi thông tin xác nhận đã nhận được yêu cầu từ chối tin nhắn quảng cáo không đảm bảo các yêu cầu quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định này;

h) Không có biện pháp giới hạn số lượng, tốc độ và tần suất nhắn tin từ một người sử dụng dịch vụ.

i) [64] Không cung cấp miễn phí công cụ ngăn chặn thư điện tử rác trên máy chủ thư điện tử cho người sử dụng.

Điều 38. Vi phạm các quy định về gửi thư điện tử, tin nhắn quảng cáo

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi:

a) Gửi thư điện tử quảng cáo có chủ đề không phù hợp với nội dung;

b) Thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo hoặc người quảng cáo trong thư điện tử quảng cáo không tuân thủ khoản 3 Điều 11 Nghị định này.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi:

a) Gửi thư điện tử quảng cáo không có hoặc không đầy đủ thông tin về người quảng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này;

b) Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo gửi thư điện tử quảng cáo không có hoặc không có đầy đủ thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này;

c) Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo gửi tin nhắn quảng cáo không có thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo hoặc có thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo nhưng không tuân thủ quy định tại Điều 15 Nghị định này;

---

[63] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 20 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[64] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 20 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

d)[65] Không chấm dứt việc gửi loại thư điện tử quảng cáo, tin nhắn quảng cáo hoặc không chấm dứt cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn ngay sau khi nhận được yêu cầu từ chối của người nhận.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi:

a)[66] Gửi quá 01 thư điện tử quảng cáo có nội dung tương tự nhau tới một địa chỉ thư điện tử trong 24 giờ mà không có thỏa thuận khác với người nhận;

b)[67] Gửi quá 01 tin nhắn quảng cáo có nội dung tương tự nhau tới một thuê bao trong vòng 24 giờ hoặc gửi tin nhắn quảng cáo ngoài khoảng thời gian từ 7 đến 22 giờ hàng ngày mà không có thỏa thuận khác với người nhận;

c) Gửi tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo, tin nhắn qua mạng Internet có mã số quản lý không đúng mã số quản lý được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi:

a)[68] Gửi thư điện tử quảng cáo hoặc tin nhắn quảng cáo khi chưa được sự đồng ý của người nhận;

b)[69] Gửi thư điện tử quảng cáo hoặc tin nhắn quảng cáo từ địa chỉ điện tử, hệ thống kỹ thuật không theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

---

[65] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[66] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[67] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[68] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[69] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

c) Gửi thư điện tử quảng cáo hoặc tin nhắn quảng cáo không có nhãn;

d)[70] Gửi thư điện tử quảng cáo hoặc tin nhắn quảng cáo nhưng không gửi bản sao nội dung tới hệ thống kỹ thuật của Bộ Thông tin và Truyền thông;

đ)[71] Che giấu tên, địa chỉ điện tử của mình khi gửi thư điện tử, tin nhắn.

Điều 39. Vi phạm các quy định về cung cấp dịch vụ

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi:

a) Sử dụng máy chủ dịch vụ gửi thư điện tử quảng cáo không sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam ".vn";

b)[72] Cung cấp dịch vụ gửi thư điện tử quảng cáo, dịch vụ nhắn tin qua mạng Internet, dịch vụ nội dung qua tin nhắn mà không có trang thông tin điện tử sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam ".vn".

c)[73] Không cung cấp đầy đủ và rõ ràng thông tin về các dịch vụ trên trang thông tin điện tử trước khi cung cấp dịch vụ gồm có: Tên dịch vụ, mã lệnh tương ứng, mô tả dịch vụ, cách thức sử dụng, giá cước dịch vụ tương ứng, hướng dẫn hủy dịch vụ, số điện thoại hỗ trợ khách hàng, cam kết đồng ý sử dụng dịch vụ;

d)[74] Sử dụng tên định danh xâm phạm các quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác có trước ngày đăng ký;

---

[70] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[71] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[72] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[73] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[74] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

đ)[75] Sử dụng tên định danh trùng với tên của tổ chức Đảng hoặc cơ quan nhà nước.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi:

a)[76] Cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn hoặc dịch vụ nội dung qua tin nhắn khi chưa được cấp mã số quản lý;

b) Cung cấp dịch vụ nhắn tin qua mạng Internet khi chưa được cấp mã số quản lý;

c) Cung cấp dịch vụ thư điện tử, tin nhắn, nhắn tin qua mạng Internet cho các nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo chưa được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp mã số quản lý.

d)[77] Sử đụng tên định danh khi chưa được cấp giấy chứng nhận tên định danh;

đ)[78] Quảng cáo dịch vụ nội dung qua tin nhắn trên báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử, trang thông tin điện tử, Internet, tin nhắn, thư điện tử, nhưng không cung cấp thông tin về giá, giá cước;

e)[79] Quảng cáo dịch vụ nội dung qua tin nhắn trên báo in, báo hình, báo điện tử, trang thông tin điện tử, Internet nhưng giá cước không được hiển thị cùng mã lệnh hoặc thông tin về giá, giá cước có kích thước nhỏ hơn 2/3 mã lệnh;

---

[75] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[76] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[77] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[78] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[79] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

g)[80] Quảng cáo dịch vụ nội dung qua tin nhắn trên báo hình nhưng thông tin giá cước bị trôi, chạy;

h)[81] Thu cước dịch vụ đối với các tin nhắn lỗi, tin nhắn không được cung cấp dịch vụ, tin nhắn đã được cung cấp dịch vụ nhưng có nội dung khác với mã lệnh mà doanh nghiệp công bố, tin nhắn do người dùng bị lừa đảo;

i)[82] Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, không chính xác, không kịp thời trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp viễn thông được cấp phép thiết lập mạng viễn thông di động về nhà cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn;

k)[83] Không hướng dẫn thuê bao gửi thông báo tin nhắn rác và phản hồi các thông báo về tin nhắn rác tiếp nhận được;

l)[84] Chậm quá 01 tháng mới cho phép doanh nghiệp đã được cấp mã số quản lý kết nối kỹ thuật với hệ thống của mình để cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn hoặc dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn;

---

[80] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[81] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[82] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[83] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[84] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

m)[85] Không lưu trữ hoặc lưu trữ dữ liệu không đầy đủ theo quy định;

n)[86] Thời gian lưu trữ dữ liệu ngắn hơn so với quy định;

o)[87] Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn không cung cấp yêu cầu từ chối của người nhận cho người quảng cáo.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi:

a) Cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử mà máy chủ gửi thư điện tử quảng cáo không đặt tại Việt Nam;

b) Cung cấp dịch vụ nhắn tin qua mạng Internet có máy chủ dịch vụ gửi tin nhắn không đặt tại Việt Nam;

c)[88] Cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn mà không sử dụng số gửi tin nhắn quảng cáo do doanh nghiệp viễn thông được cấp phép thiết lập mạng viễn thông di động cấp;

d)[89] Không cung cấp công cụ tiếp nhận thông báo tin nhắn rác từ người sử dụng, công cụ đăng ký nhận và từ chối tin nhắn quảng cáo theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông;

---

[85] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[86] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[87] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[88] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[89] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

đ)[90] Không triển khai hệ thống ngăn chặn tin nhắn rác tối thiểu có khả năng ngăn chặn tin nhắn rác theo nguồn gửi và từ khóa trong nội dung tin nhắn gửi;

e)[91] Không cung cấp địa chỉ điện tử cho hoạt động gửi tin nhắn quảng cáo, hoạt động cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

g)[92] Không cung cấp dịch vụ gửi nhận tin nhắn, dịch vụ gửi nhận tin nhắn sử dụng tên định danh cho các nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn hoặc nhà cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp mã số quản lý;

h)[93] Không cho phép doanh nghiệp đã được cấp mã số quản lý kết nối kỹ thuật với hệ thống của mình để cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn hoặc dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn;

i)[94] Phân biệt đối xử giữa các nhà cung cấp dịch vụ gửi tin nhắn quảng cáo, nhà cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn;

---

[90] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[91] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[92] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[93] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[94] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

Điều 40. Vi phạm các quy định về giá cước, phí, lệ phí

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không trả chi phí liên quan đến việc cung cấp chức năng từ chối cho người nhận.

2. Đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giá cước dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, tin nhắn được áp dụng theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá.

3. Đối với hành vi vi phạm về phí, lệ phí trong hoạt động cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, tin nhắn áp dụng theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí.

4.[95] Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi:

a) Không hoàn lại cước theo yêu cầu của nhà cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn hoặc không thông báo cho người sử dụng về việc hoàn cước;

b) Cung cấp các phần mềm hoặc trang thông tin điện tử có thu cước mà không có chức năng cho phép người sử dụng xác nhận đồng ý hoặc không đồng ý sử dụng dịch vụ với mức cước tương ứng.

Điều 41. Vi phạm các quy định về chế độ báo cáo, cung cấp thông tin và thanh tra, kiểm tra

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi:

a) Không chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Vi phạm các chế độ báo cáo theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi:

a) Thay đổi hệ thống gửi tin nhắn quảng cáo hoặc thư điện tử quảng cáo mà không thông báo trước với Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Cung cấp không đầy đủ thông tin hoặc không ngăn chặn các nguồn phát tán thư rác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Cung cấp không đầy đủ thông tin liên quan đến tình trạng hệ thống máy chủ thư điện tử, tin nhắn theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

---

[95] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 23 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin sai sự thật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu.

Điều 42. Vi phạm các quy định về an toàn, an ninh thông tin

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế, ngăn chặn thư rác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3.[96] Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo tên hoặc giả mạo địa chỉ điện tử của tổ chức, cá nhân khác khi gửi thư điện tử, tin nhắn.

Điều 43. Xử phạt bổ sung, khắc phục hậu quả

Ngoài các hình thức xử phạt chính, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà tổ chức, cá nhân còn có thể bị áp dụng một hay nhiều hình thức xử phạt bổ sung hoặc biện pháp khắc phục hậu quả sau:

1. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 34; khoản 3 Điều 36; khoản 4 Điều 38; khoản 2, khoản 3 Điều 39 Nghị định này.

2.[97] Thu hồi mã số quản lý, tên định danh đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 35; Điểm c Khoản 4 Điều 38; Điểm d, đ Khoản 1 Điều 39.

3. Buộc thực hiện đúng các quy định của Nhà nước đối với các vi phạm tại Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 39; Điều 41; Điều 42 Nghị định này.

---

[96] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[97] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 25 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

4.[98] Buộc hoàn trả kinh phí chiếm dụng, thu sai do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm h Khoản 2 Điều 39; Điểm a, b Khoản 4 Điều 40.

5.[99] Tạm đình chỉ từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc đình chỉ vĩnh viễn hoạt động quảng cáo bằng thư điện tử, hoạt động quảng cáo bằng tin nhắn, hoạt động cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a, b Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 36; Điểm d Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 38; Điểm a, b Khoản 1, Điểm a, b, c, d, h Khoản 2, Điểm a, b, e Khoản 3 Điều 39; Điểm a, b, đ Khoản 4 Điều 40; Điều 41."

6.[100] Buộc thu hồi số tiền có được đối với hành vi vi phạm tại Điểm c Khoản 5 Điều 34; Điểm i Khoản 3 Điều 37.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[101]

Điều 44. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

---

[98] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 25 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[99] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 25 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[100] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 25 Điều 1 của Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

[101] Điều 2 Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 quy định như sau:

"Điều 2. *Hiệu lực và trách nhiệm thi hành*

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này"

Điều 45. Tổ chức thực hiện

Bộ Thông tin và Truyền thông trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 46. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số: 2207/VBHN-BTTTT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2013

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thành Hưng

Phụ lục I

BẢN KHAI ĐĂNG KÝ MÃ SỐ QUẢN LÝ

Dành cho nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử

(Ban hành kèm theo Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ)

1. Thông tin về tổ chức

- Tên doanh nghiệp:.....
- Tên viết tắt:.....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Giấy phép kinh doanh số:.....
- Điện thoại: .....
- Fax:.....
- Email: .....
- Website:.....

2. Thông tin kỹ thuật

- Tên miền của các máy chủ gửi thư quảng cáo (mail server): .....
- Địa chỉ IP của các máy chủ gửi thư quảng cáo:.....
- Các địa chỉ thư điện tử dùng để gửi thư điện tử quảng cáo (from):.....
- Địa chỉ URL từ chối:.....
- Địa chỉ email từ chối:.....
- Số điện thoại từ chối: .....

3. Đầu mối liên hệ xử lý thư rác

- Họ và tên: .....
- Chức vụ: .....
- Địa chỉ liên hệ: .....
- Số điện thoại/Fax:.....
- Email: .....

Tổ chức đăng ký cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quảng cáo bằng thư điện tử.

....., ngày.... tháng.... năm.....

Xác nhận của chủ thể đăng ký

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục II

BẢN KHAI ĐĂNG KÝ MÃ SỐ QUẢN LÝ

Dành cho nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư tin nhắn

(Ban hành kèm theo Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ)

1. Thông tin về tổ chức

- Tên doanh nghiệp: .....
- Tên viết tắt: .....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Giấy phép kinh doanh số: .....
- Điện thoại: .....
- Fax: .....
- Email: .....
- Website: .....

2. Thông tin kỹ thuật

- Các số thuê bao gửi tin nhắn quảng cáo (mail server): .....
- Số thuê bao nhận tin nhắn: .....
- Số điện thoại từ chối: .....

3. Đầu mối liên hệ xử lý thư rác

- Họ và tên: .....
- Chức vụ: .....
- Địa chỉ liên hệ: .....
- Số điện thoại/Fax: .....
- Email: .....

Tổ chức đăng ký cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quảng cáo bằng tin nhắn.

....., ngày.... tháng.... năm.....

Xác nhận của chủ thể đăng ký

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục III

BẢN KHAI ĐĂNG KÝ MÃ SỐ QUẢN LÝ

Dành cho nhà cung cấp dịch vụ nhắn tin qua mạng Internet

(Ban hành kèm theo Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ)

1. Thông tin về tổ chức

- Tên doanh nghiệp:.....
- Tên viết tắt:.....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Giấy phép kinh doanh số:.....
- Điện thoại: .....
- Fax:.....
- Email: .....
- Website:.....

2. Thông tin kỹ thuật

- Tên miền của các website gửi tin nhắn: .....

.....

- Địa chỉ IP của các máy chủ gửi tin nhắn:.....

.....

- Mô tả hệ thống tiếp nhận và xử lý yêu cầu từ chối:.....

.....

3. Đầu mối liên hệ xử lý thư rác

- Họ và tên: .....
- Chức vụ: .....
- Địa chỉ liên hệ: .....
- Số điện thoại/Fax:.....
- Email: .....

Tổ chức đăng ký cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về nhắn tin qua mạng Internet.

....., ngày.... tháng.... năm.....

Xác nhận của chủ thể đăng ký

(Ký tên, đóng dấu)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng